

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
NAM**

**HUYỆN A
TỈNH AN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 342/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 05/10/2018

V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình - Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thuận Lợi.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Văn Minh;
2. Ông Trần Thành Chúng.

Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Minh Nhựt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A tham gia phiên tòa: Ông Phạm Hoàng Lưu – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện A xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 251/2018/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2018, về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình - Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 425/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 31/8/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 470/2018/QĐST-DS ngày 19 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn bà Huỳnh Kiều M, sinh năm 1986; Cư trú: Ấp P, xã Đ, huyện A, tỉnh An Giang (có mặt).

2. Bị đơn ông Phạm Văn N, sinh năm 1980; Cư trú: Tổ 02, ấp P, xã Đ, huyện A, tỉnh An Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai của nguyên đơn bà Huỳnh Kiều M bày trình bày:

Quan hệ hôn nhân giữa bà và ông N là tự tìm hiểu yêu thương nhau được gia đình hai bên chấp nhận nên đi đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới năm 2003 và có đăng ký kết hôn vào năm 2005 tại UBND xã Đ, huyện A, tỉnh An Giang. Thời gian

đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến đầu năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là ông N không quan tâm gia đình, ông N có tình cảm với người phụ nữ khác dẫn đến hai người không sống chung với nhau và ly thân từ đó đến nay không liên lạc gì nhau nữa.

Hiện nay bà và ông N không còn tình cảm nên làm đơn khởi kiện yêu cầu xin được ly hôn với ông Phạm Văn N.

Về con chung: Có hai con chung tên Phạm Huỳnh Hữu D, sinh ngày 29/5/2006 và Phạm Huỳnh Tuyết N, sinh ngày 17/01/2013. Hiện hai cháu đang sống với bà M. Sau khi ly hôn bà M có yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, bà M vẫn giữ nguyên yêu cầu, không trình bày ý kiến bổ sung và không cung cấp tài liệu chứng cứ gì thêm.

Quan điểm của Vị đại diện Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý, xác định quan hệ tranh chấp, tiến hành thu thập chứng cứ đúng quy định của pháp luật. Thành phần Hội đồng xét xử không thuộc trường hợp phải thay đổi. Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ đối với ông Phạm Văn N nhưng ông N vắng mặt lần thứ hai không lý do nên tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn theo quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xác định quan hệ hôn nhân giữa bà M, ông N có đăng ký kết hôn nên xem là hôn nhân hợp pháp. Cuộc sống hôn nhân của bà M, ông N có nhiều mâu thuẫn, các bên không còn chung sống với nhau, thời gian ly thân đã lâu dẫn đến hôn nhân mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên không thể tiếp tục kéo dài, việc bà M yêu cầu xin được ly hôn là có căn cứ chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quan hệ hôn nhân của bà M, ông N có đăng ký kết hôn năm 2005 tại UBND xã Đ, huyện A. Đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật bảo vệ. Bà M yêu cầu xin được ly hôn, ông N vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa phương thuộc ấp P, xã Đ, huyện A, tỉnh An Giang nên yêu cầu xin ly hôn của bà M được Tòa án thụ lý giải quyết phù hợp với quy định tại Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình và các Điều 29, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tòa án đã tiến hành hòa giải, công khai tài liệu, chứng cứ và tổng đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật nhưng ông N không tham gia hòa giải nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được.

[3] Ông N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông N là phù hợp với quy định tại Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về quan hệ tình cảm: Bà Huỳnh Kiều M xin được ly hôn với ông Nguyễn Văn N nguyên nhân là do ông N không quan tâm chăm sóc gia đình, ông N có tình cảm với người phụ nữ khác, hai người ly thân đã lâu, tình cảm vợ chồng đã không còn nên xin được ly hôn.

[5] Qua xác minh tình trạng hôn nhân của bà M, ông N xác định quan hệ hôn nhân giữa bà M, ông N có nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là không hòa hợp tính tình, ông N không quan tâm gia đình, chăm sóc vợ con và có tình cảm với người phụ nữ khác. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên đã ly thân từ lâu không còn chung sống với nhau nữa.

[6] Từ đó có thể khẳng định quan hệ hôn nhân của bà M và ông N đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin được ly hôn của bà Muội là có căn cứ chấp nhận.

[7] Về con chung: Có hai con chung tên Phạm Huỳnh Hữu D, sinh ngày 29/5/2006 và Phạm Huỳnh Tuyết N, sinh ngày 17/01/2013. Hiện hai cháu đang sống với bà M. Sau khi ly hôn bà M có yêu cầu được nuôi con chung, ông N không có yêu cầu nuôi con chung nên yêu cầu được nuôi con chung của bà M là có căn cứ chấp nhận.

[8] Bà M nuôi con chung nhưng không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con, nghĩ nên công nhận sự tự nguyện của bà M. Tuy nhiên, bà M cùng các thành viên trong gia đình không ai được cản trở ông N trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con không cố định sẽ có thay đổi khi có yêu cầu chính đáng của một hoặc cả hai bên.

[9] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập xem xét.

[10] Về án phí: Bà M là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình; các Điều 147, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện bà Huỳnh Kiều M.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Kiều M được ly hôn với ông Phạm Văn N.

Về con chung: Bà Huỳnh Kiều M được nuôi hai cháu Phạm Huỳnh Hữu D, sinh ngày 29/5/2006 và Phạm Huỳnh Tuyết N, sinh ngày 17/01/2013.

Công nhận sự tự nguyện của bà M không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con. Việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con không cố định sẽ có thay đổi khi có yêu cầu chính đáng của một hoặc cả hai bên.

Bà M cùng các thành viên trong gia đình không ai được cản trở ông N trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Về án phí: Bà Huỳnh Kiều M phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí bà M đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009193 (bà M đã nộp đủ).

Thời hạn kháng cáo của đương sự có mặt hoặc đã tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt khi tuyên án là 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

(Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện A;
- THADS huyện A;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thuận Lợi